

Bản án số: 10/2021/HSST

Ngày: 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi

2. Bà Lê Thị Tụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Ngô Anh Hồng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 187/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1424/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L (Tên gọi khác: Tý), sinh ngày 12 tháng 5 năm 1969, tại Đà Nẵng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 466/61B Lê Văn Sỹ, Phường X, Quận Y, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị P (chết); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28 tháng 5 năm 1993 bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 50/HSST, ngày 13 tháng 7 năm 1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 1394/HSST, ngày 27 tháng 8 năm 2002 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 114/HS-ST, ngày 31 tháng 3 năm 2009 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 41/2009/HS-ST, ngày 26 tháng 7 năm 2012 bị Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 81/2012/HS-ST; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 1997; chỗ ở hiện nay: 518/21 Lê Văn Sỹ, Phường X, Quận Y, Thành phố H. (vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Hồ Tất T, sinh năm: 1996. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 09 tháng 9 năm 2020, Nguyễn Văn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 59F2-215.61 đến nhà hàng My Banh Mi, số 57 Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1 nhằm mục đích mua cà phê. Khi đang đứng chờ lấy cà phê, L nhìn thấy điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen của bà Nguyễn Thị Lan A là nhân viên nhà hàng để trên quầy lễ tân nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt. Lợi dụng bà Lan A đang nghe điện thoại bàn không chú ý, L dùng tay trái lấy điện thoại chuyển qua tay phải bỏ vào túi áo khoác bên phải rồi đi ra ngoài lấy xe bỏ đi. Sau khi L đi khỏi, bà Lan A phát hiện bị mất điện thoại nên nhờ bạn là ông Hồ Tất T định vị tìm điện thoại bị mất. Qua định vị phát hiện điện thoại đang ở địa chỉ 339/59 Lê Văn Sỹ, Phường 13, Quận 3 nên bà Lan A và ông T đến Công an Phường 13, Quận 3 trình báo hỗ trợ tìm điện thoại. Khi bà Lan A, ông T và Công an Phường 13, Quận 3 vào trong hẻm 339 Lê Văn Sỹ thì phát hiện L từ trong quán ăn số 339/36B Lê Văn Sỹ đi ra thấy bà Lan A nên L lấy điện thoại đã chiếm đoạt trả cho bà Lan A thì Công an Phường 13, Quận 3 bắt giữ L cùng vật chứng đưa về trụ sở Công an phường Bến Nghé, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tại cơ quan điều tra, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Theo bản kết luận số: 223/KL-HĐĐTGS ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Ủy ban nhân dân Quận 1, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS max, 64Gb trị giá 12.667.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 191/CT-VKS ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây

thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo tù 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen, số Imei 353097102719100 đã thu hồi trả lại bị hại là bà Lan A và bà Lan A không có yêu cầu nào nên không xét.

- 01 đĩa DVD ghi hình ảnh bị cáo L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- 01 nón bảo hiểm màu đỏ, sọc trắng; 01 áo khoác thun đỏ, trắng, xanh; 01 quần thun lửng màu xám, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô Honda hiệu Vision, biển kiểm soát 59F2-215.61; số máy: JF86E0393462; số khung 5838KY665652 cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, biên bản bắt bị can để tạm giam, kết luận định giá,... nên có căn cứ để kết luận, khoảng 10 giờ 20 phút ngày 09 tháng 9 năm 2020, bị cáo L đã có hành vi lợi dụng sự không để ý của bà Lan A lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen của bà Lan A và sau đấy bị bắt giữ cùng vật chứng. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người làm chứng và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 12.667.000 đồng. Bị cáo có nhân thân rất xấu đã ba lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, hai lần bị xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng bị cáo lại phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật nên cần phải có mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo thành người lương thiện có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe kẻ khác góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã kịp thời thu hồi trả lại bị hại thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS Max màu đen, số Imei 353097102719100 đã thu hồi trả lại bị hại là bà Lan A và bà Lan A không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 đĩa DVD ghi hình ảnh bị cáo L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cần tiếp tục lưu trong hồ sơ.

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu đỏ, sọc trắng; 01 áo khoác thun đỏ, trắng, xám; 01 quần thun lửng màu xám thu giữ của bị cáo L, xét không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô Honda hiệu Vision, biển kiểm soát 59F2-215.61; số máy: JF86E0393462; số khung 5838KY665652 thu giữ của bị cáo L. Qua xác minh xe do bị cáo L đứng tên sở hữu, bị cáo L sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là vật chứng của vụ án cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội trộm cắp tài sản: Tuyên bố Nguyễn Văn L (Tên gọi khác: Tý), phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Văn L 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2020.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) đĩa DVD ghi hình ảnh bị cáo Nguyễn Văn L thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ, sọc trắng; 01 (một) áo khoác thun đỏ, trắng, xám; 01 (một) quần thun lửng màu xám.

(Theo Phiếu nhập kho đồ vật, tài liệu số: 113/20-PNK ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô Honda hiệu Vision, biển kiểm soát 59F2-215.61; số máy: JF86E0393462; số khung 5838KY665652.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 195/20-PNK ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 1, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, Tp. HCM;
- Công an Quận 1, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Tuấn